

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ NHÂN DẠO

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH/NGHỀ: KỸ THUẬT MÁY LẠNH
VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

MÃ NGÀNH/ NGHỀ: 5520205

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04 /QĐCTr-ND ngày 14 tháng 03 năm 2025
của Hiệu trưởng trường Trung cấp nghề Nhân Đạo)

TP. Hồ Chí Minh, Năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HOÀ KHÔNG KHÍ.

Mã ngành, nghề: 5520205.

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông và tương đương

Thời gian khóa học: 02 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

- Nghề Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí là nghề chuyên lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí: Hệ thống máy lạnh trong các kho lạnh, hệ thống máy lạnh thương nghiệp, máy kem, máy đá, tủ lạnh; hệ thống điều hòa không khí trung tâm, điều hòa không khí cục bộ... đúng yêu cầu kỹ thuật, năng suất, an toàn. Thường làm việc ở các cơ sở, các công ty dịch vụ chuyên ngành, siêu thị, các nhà máy bia, chế biến sữa, bảo quản thủy hải sản; các nhà máy chế tạo thiết bị máy lạnh, điều hòa không khí, các công ty, tập đoàn thi công lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy lạnh và điều hòa không khí.

- Những nhiệm vụ chính của ngành, nghề là: lắp đặt hệ thống máy lạnh công nghiệp; lắp đặt hệ thống máy lạnh thương nghiệp; lắp đặt hệ thống điều hòa không khí trung tâm; lắp đặt hệ thống điều hòa không khí cục bộ; vận hành hệ thống máy lạnh; vận hành hệ thống điều hòa không khí trung tâm; bảo trì - bảo dưỡng hệ thống lạnh; sửa chữa hệ thống lạnh; nâng cao nghiệp vụ chuyên môn; tổ chức lao động; giao tiếp với khách hàng.

- Môi trường làm việc của ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí thường có độ cao thay đổi, tiếp xúc với các thiết bị điện, thiết bị áp lực đòi hỏi độ tập trung và kỹ năng chuyên ngành cao.

- Chương trình đào tạo được chia làm 3 phần.

+ Phần 1: Các môn học chung.

+ Phần 2: Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở.

+ Phần 3: Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo trình độ trung cấp nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí đảm bảo đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp sản xuất.

- Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có trình độ tay nghề cao nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trong công nghiệp, thương nghiệp và dân dụng, có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc; giải quyết được các tình huống phức tạp trong thực tế; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khoẻ, tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức:

- Trình bày được các quy định, tiêu chuẩn về bản vẽ kỹ thuật của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;
- Trình bày được những nội dung cơ bản về tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, hạn chế xả khí thải trong thực hiện các công việc của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;
- Hiểu được phương pháp, quy trình thực hiện xanh hóa trong thực hiện các công việc của nghề;
- Trình bày được phương pháp và quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Mô tả được các loại trang thiết bị, dụng cụ và phân tích được chức năng của từng thiết bị, dụng cụ trong nghề kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;
- Trình bày được phương pháp và quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống điều hòa không khí cục bộ, điều hòa không khí trung tâm đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Trình bày được phương pháp và quy trình bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Phân tích được các hư hỏng về cơ, điện, lạnh trong các hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí;
- Phân tích được các hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong các hệ thống lạnh;
- Biết được phương pháp cập nhật các tài liệu kỹ thuật liên quan đến nghề;
- Trình bày nguyên lý làm việc, cách sử dụng các dụng cụ, thiết bị chính được sử dụng trong nghề;
- Trình bày được phương pháp tính toán phụ tải lạnh, chọn, thiết kế lắp đặt sơ bộ được hệ thống điện - lạnh của máy lạnh, điều hòa không khí có năng suất lạnh nhỏ;
- Trình bày được các quy định trong nghiệm thu bàn giao công việc;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.
- Trình bày khái niệm chuyển đổi số, học liệu số, số hóa dữ liệu.
- Trình bày phương pháp số hóa lưu trữ dữ liệu thiết kế.
- Trình bày số hóa dữ liệu hình ảnh trên bản vẽ thiết kế hệ thống lạnh dân dụng, công nghiệp.
- Trình bày phương pháp số hóa dữ liệu videoclip thực hành, mô phỏng.
- Hiểu biết về an ninh, an toàn và văn hoá ứng xử khi tham gia môi trường số.

2.2.2. Kỹ năng:

- Đọc được các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ thiết kế, lắp đặt các công trình về máy lạnh và điều hoà không khí dân dụng;
- Thực hiện được quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh dân dụng an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất;
- Thực hiện được quy trình lắp đặt hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí dân dụng đúng quy trình kỹ thuật;
- Thực hiện được quy trình bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh an toàn và điều hòa dân dụng, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất;

- Sửa chữa được các hư hỏng về điện, lạnh trong các các hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí dân dụng theo đúng thông số của nhà sản xuất;
- Vận hành được hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí dân dụng đạt năng suất cao;
- Lựa chọn, sử dụng được các dụng cụ, thiết bị chính trong nghề;
- Giám sát và thực hiện được công tác an toàn trong lĩnh vực của nghề;
- Lắp đặt, vận hành được hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu;
- Lắp đặt, vận hành được hệ thống điều hòa không khí cục bộ đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu;
- Bảo trì, bảo dưỡng được các hệ thống lạnh đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu;
- Kiểm tra được các thông số kỹ thuật hệ thống thiết bị, thiết bị, nguyên vật liệu chuyên ngành đầu vào;
- Sửa chữa được các hư hỏng về cơ, điện, lạnh trong các các hệ thống lạnh;
- Sửa chữa được một số hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong hệ thống lạnh;
- Đánh giá được tác động môi trường của môi chất lạnh và các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường khi thực hiện các công việc của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;
- Đề xuất được phương án tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phế thải khi thực hiện các lĩnh vực của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;
- Phân loại được rác thải trong công nghiệp;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Số hóa các dữ liệu, hình ảnh, video clip bằng phần mềm công nghệ số.
- Sử dụng các phần mềm ứng dụng chuyển đổi số thành thạo như thiết kế, vẽ lại, dựng mô hình 2D 3D bố trí thiết bị, hệ thống điện, điện lạnh...trong hệ thống lạnh công nghiệp.
- Sử dụng các thiết bị kỹ thuật số thành thạo để số hóa dữ liệu như máy scan, máy in, máy chụp hình, máy quay, ...
- Chia sẻ, trao đổi dữ liệu, thông tin số trong học tập và làm việc.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập hoặc phối hợp làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc ít thay đổi;
- Hướng dẫn giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ đã định sẵn, chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và một phần đối với nhóm;
- Chịu trách nhiệm đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của bản thân và một phần công việc của các thành viên trong nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp;
- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

- Thực hiện số hóa đúng kỹ thuật, chính xác nội dung, an toàn thông tin.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Lắp đặt hệ thống máy lạnh thương nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí cục bộ;
- Vận hành hệ thống máy lạnh;
- Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống lạnh;
- Sửa chữa hệ thống lạnh;
- Bảo hành hệ thống lạnh;
- Sửa chữa mạch điện điều khiển cho hệ thống lạnh;
- Lắp đặt hệ thống lạnh công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí Chiller;
- Lắp đặt vận hành hệ thống VRV/VRF;
- Vận hành hệ thống điều hòa không khí trung tâm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điều hòa ô tô;
- Tự mở cửa hàng kinh doanh, dịch vụ.

* Khả năng học tập, nâng cao trình độ :

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, trình độ trung cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;
- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo./.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1665 giờ/68 tín chỉ.
- Số lượng môn học, mô đun: 21
- Khối lượng học tập các môn học chung: 255 giờ/12 tín chỉ.
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1410 giờ/56 tín chỉ.
- Khối lượng lý thuyết: 430 giờ; thực hành, thực tập: 1156 giờ. Thi/ Kiểm tra : 79 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Sử dụng máy tính thành thạo. Áp dụng kiến thức về Công nghệ thông tin và truyền thông, ứng dụng công nghệ số.
2	NLCB-02	Làm việc hiệu quả trong nhóm.
3	NLCB-03	Hoàn thành các nhiệm vụ hành chính hàng ngày.
4	NLCB-04	Sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản.
5	NLCB-05	Đọc, hiểu các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành thông

		thường.
6	NLCB-06	Thực hiện bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tái nguyên.
7	NLCB-07	Triển khai các ý tưởng khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
8	NLCB-08	Duy trì kiến thức ngành nghề.
9	NLCB-09	Hoàn thiện và phát triển bản thân, hội nhập quốc tế.
10	NLCB-10	Thực hiện sơ cứu cơ bản.
11	NLCB-11	Tư duy năng suất chất lượng và ứng dụng công nghệ số.
II Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)		
1	NLCL-01	Thực hiện các biện pháp an toàn khi làm việc
2	NLCL-02	Vẽ, đọc được bản vẽ kỹ thuật cơ bản.
3	NLCL-03	Sử dụng phần mềm mô phỏng linh hoạt.
4	NLCB-04	Sử dụng dụng cụ cầm tay.
5	NLCB-05	Sử dụng dụng cụ đo, kiểm tra.
6	NLCB-06	Phân tích hồ sơ thi công
7	NLCL-07	Ứng dụng công nghệ 4.0 trong lĩnh vực nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.
8	NLCL-08	Lắp đặt hệ thống lạnh dân dụng hoàn chỉnh.
9	NLCL-09	Lắp đặt máy nén.
10	NLCL-10	Lắp đặt quạt lạnh.
11	NLCL-11	Lắp đặt cụm ngưng tụ.
12	NLCL-12	Lắp đặt hệ thống đường ống môi chất lạnh, nước.
13	NLCL-13	Thử bền, thử kín hệ thống.
14	NLCL-14	Hút chân không hệ thống.
15	NLCL-15	Lắp đặt hệ thống điện.
16	NLCL-16	Nạp môi chất lạnh cho hệ thống.
17	NLCL-17	Chạy thử hệ thống.
18	NLCL-18	Điều chỉnh các thông số kỹ thuật.
19	NLCL-19	Vận hành, hiệu chỉnh được các thiết bị trong hệ thống lạnh đúng quy trình.
20	NLCL-20	Bảo dưỡng được hệ thống lạnh theo đúng quy trình đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.
21	NLCL-21	Xác định được các nguyên nhân hư hỏng và sửa chữa được các hư hỏng thông thường của thiết bị lạnh.
22	NLCL-22	Sử dụng thành thạo dụng cụ đồ nghề sửa chữa thiết bị lạnh đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật.
23	NLCL-23	Sử dụng thành thạo các trang thiết bị bảo hộ an toàn đúng kỹ thuật, sơ cứu được nạn nhân khi xảy ra sự cố.
24	NLCL-24	Xử lý sự cố khi vận hành hệ thống lạnh công nghiệp.

25	NLCL-25	Nghiệm thu và bàn giao.
26	NLCL-26	Đọc hiểu tài liệu tiếng Anh chuyên ngành.
III Năng lực nâng cao		
1	NLNC - 01	Chủ động linh hoạt trong quá trình học tập, làm việc, có kỹ năng thuyết trình, tìm kiếm và xử lý thông tin liên quan đến điện lạnh.
2	NLNC - 02	Có khả năng làm việc nhóm, đánh giá kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm; Có trách nhiệm trong hướng dẫn, giám sát công việc của người liên quan để thực hiện đúng quy trình công việc được giao.
3	NLNC - 03	Tự chịu trách nhiệm về công việc của mình theo nguyên tắc an toàn nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp; Tự cập nhật những quy định mới và kiến thức mới trong lĩnh vực công tác; Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn; Có khả năng tự khởi nghiệp.
4	NLNC - 04	Có khả năng phân tích, quan sát, đánh giá và tổng hợp số liệu thuộc vị trí, lĩnh vực công tác.
5	NLNC-05	Lập được bản vẽ thiết kế hệ thống toàn diện.
6	NLNC-06	Chạy thử hệ thống, điều chỉnh các thông số kỹ thuật.
7	NLNC-07	Tính toán thiết kế hệ thống lạnh và điều hòa không khí.
8	NLNC-08	Lập được kế hoạch thi công lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống máy và thiết bị lạnh.
9	NLNC-09	Phân tích, tìm nguyên nhân hư hỏng của hệ thống lạnh công nghiệp.
10	NLNC-10	Phân tích, tìm nguyên nhân hư hỏng máy và thiết bị lạnh thương mại.
11	NLNC-11	Lập quy trình sửa chữa hoặc thay thế các phần tử hư hỏng.
12	NLNC-12	Nghiệm thu và bàn giao.

6. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	11	255	94	148	13
MH 01	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
MH 02	Tin học	2	45	15	29	1
MH 03	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 04	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 05	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH 06	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề	56	1410	336	1008	66
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	15	285	131	131	23
MH07	An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp trong nghề điện lạnh	2	30	18	9	3
MH08	Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh	3	60	36	20	4
MH09	Cơ sở kỹ thuật điều hoà không khí	2	30	24	3	3
MH10	Xanh hoá và sử dụng năng lượng, tài nguyên hiệu quả	2	30	18	9	3
MĐ11	Thực tập hàn	3	60	15	40	5
MĐ12	Trang bị điện	3	75	20	50	5
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	41	1125	205	877	43
MĐ13	Điện dân dụng	3	75	20	50	5
MĐ14	Lạnh cơ bản	6	150	30	114	6
MĐ15	Hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	6	150	30	114	6
MĐ16	Hệ thống điều hoà không khí cục bộ	6	150	30	114	6
MĐ17	Điện tử chuyên ngành	3	75	20	50	5
MĐ18	Hệ thống máy lạnh công nghiệp	5	120	30	84	6

Mã MH/ MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
MD19	Hệ thống điều hoà không khí trung tâm	4	90	30	55	5
MD20	Hệ thống điều hoà không khí ô tô	2	45	15	26	4
MD21	Thực tập tốt nghiệp	6	270		270	
	Tổng thời gian thực học	67	1665	430	1156	79

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung bắt buộc áp dụng thực hiện theo chương trình của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và đã được trường tổ chức điều chỉnh, cập nhật tài liệu tham khảo phù hợp.

7.2. Thực hiện chương trình đối với đào tạo theo niên chế

Học sinh phải hoàn tất toàn bộ các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo và có đủ điều kiện (theo quy chế kiểm tra và công nhận trình độ trung cấp) mới được dự thi tốt nghiệp.

7.3. Tổ chức thực hiện chương trình đối với đào tạo tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ

Học sinh phải hoàn tất toàn bộ các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo mới được xét công nhận tốt nghiệp.

7.4. Giảng dạy trực tuyến các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo

Có thể tổ chức giảng dạy trực tuyến đối với các môn học chung và các môn học đã xây dựng đủ học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.

7.5. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường tổ chức bố trí cho học sinh tham quan, học tập tại một số xưởng, nhà máy sản xuất;
- Để giáo dục truyền thống dân tộc, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội Trường tổ chức cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;
- Hội diễn văn nghệ nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 hàng năm, các giải thể dục thể thao cấp trường;
- Nghe nói chuyện thời sự, chuyên đề.

7.6. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô đun

- Giáo viên thực hiện phương pháp, đánh giá học sinh khi kết thúc môn học, mô đun theo Quy định cách thức thi kết môn học/mô đun đã được Hiệu trưởng quy định trong chương trình khung của nghề;
- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun theo đúng quy định trong tiến độ đào tạo Ban Giám hiệu đã phê duyệt theo từng năm học;

- Trước khi kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, giáo viên bộ môn phải hoàn chỉnh đầy đủ số lần kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên;

- Việc tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun (đề thi, chấm thi, tổng kết điểm, công bố điểm,...) theo đúng đúng quy chế thi, kiểm tra do Bộ LĐ-TB&XH, Trường quy định.

7.7. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Căn cứ quyết định công nhận học sinh trúng tuyển đầu khóa học có xác định phương thức đào tạo, cuối khóa học học sinh được Trường tổ chức 01 trong 02 phương thức sau:

7.7.1. Đối với đào tạo theo niên chế

- Tổ chức thi tốt nghiệp.
- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

- Căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học; quy định nội quy thi, kiểm tra và công nhận trình độ trung cấp để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường.

7.7.2. Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ

- Tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.
- Căn cứ vào kết quả thi kết thúc môn học/mô đun của người học; quy chế đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ (học tập, nội quy thi, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp) đối với người học trình độ trung cấp để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường.

7.8. Các chú ý khác

- Khi xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khoá và tiến độ thực hiện giảng dạy từng năm cần chú ý: Số giờ phân bổ trong bảng danh mục các môn học/ mô đun là số giờ đã quy chuẩn (01 giờ lý thuyết là 45 phút, 01 giờ thực hành là 60 phút, 01 giờ tích hợp là 60 phút); nên khi triển khai phải quy đổi lại số giờ thực hành cho đủ và khớp với giờ đồng hồ, khớp với số tuần phân bổ:

01 tuần học tập = 30 giờ chuẩn = 30 giờ lý thuyết = 40 giờ thực hành.

- Số giờ dành cho kiểm tra kết thúc môn học/ mô đun được tính vào thời gian của từng môn học mô đun nên khi xây dựng kế hoạch toàn khoá và tiến độ năm học không cần cộng thêm thời gian dành cho "kiểm tra, thi".



Huỳnh Minh Tiếng